TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/DS-ST
Ngày 19/4/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Giúp Đở

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Hồng Hạnh

Ông Lê Hoàng Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phục Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 256/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Kim C**, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đông H, xã Đông T, huyện Thới L, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đông H, xã Đông T, huyện Thới L, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/9/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên bà Lê Thị Kim C trình bày:

Ngày 30/7/2017 bà Lê Thị N có nhờ bà hỏi giùm số tiền 10.000.000đồng lãi suất 8%/tháng và 60.000.000đồng lãi suất 7%/tháng, tổng cộng lãi 4.800.000đồng/tháng nhưng sau đó giảm lãi xuống còn 4.000.000đồng/tháng. Từ khi vay đến nay bà N không trả tiền gốc và lãi. Mặc dù, bà đã yêu cầu bà N trả nhiều lần nhưng bà N chỉ hứa hẹn mà không trả.

Ngoài ra, bà có đứng ra làm chủ 01 dây hụi mùa 2.000.000đồng có tổng cộng 17 phần, bà N tham gia 02 phần, bà N đã hốt và đã nhận đủ tiền. Hụi kết thúc nhưng bà N vẫn còn nợ lại 06 lần của 02 phần hụi chưa đóng với số tiền là

24.000.000đồng. Cùng thời điểm đó bà có tham gia 01 phần hụi của dây hụi mùa 2.000.000đồng trong tổng số 17 phần do bà N làm chủ, bà đã đóng được 18.000.000đồng, đến khi bà N hốt hết những phần hụi của bà N tham gia thì bà N ngưng hụi luôn cho đến nay.

Nay bà yêu cầu bà Lê Thị N phải trả cho bà số tiền vay 70.000.0000đồng, đồng thời bà yêu cầu bà N phải trả tiền lãi theo quy định của pháp luật là 20%/năm trên số nợ gốc 70.000.000đồng tính từ ngày 30/7/2017 cho đến ngày xét xử.

Đối với số tiền hụi, bà yêu cầu bà N phải trả số tiền hụi mùa 2.000.000đồng trên 02 phần hụi còn nợ 06 lần chưa đóng là 24.000.000đồng và số tiền bà đã đóng hụi cho bà N là 18.000.000đồng. Tổng cộng tiền hụi là bà N phải trả là 42.000.000đồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị N phải trả cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ là 70.000.0000đồng và phải chịu tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày 30/7/2017 đến ngày xét xử. Ngoài ra nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền hụi còn nợ đối với dây hụi mùa do bà N làm chủ là 18.000.000đồng và số tiền hụi mà bà N thừa nhận trong đơn phản tố còn nợ dây hụi mùa do nguyên đơn làm chủ là 16.000.000đồng.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự và nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu trả nợ theo hợp đồng vay: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên toà hôm nay cho thấy: Giữa nguyên đơn, bị đơn có thỏa thuận việc vay mượn tiền vào ngày 30 tháng 7 năm 2017 và được thể hiện bằng biên nhận nợ, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Theo biên nhận nợ ngày 30/7/2017 và đơn phản tố ngày 25/12/2019 thì bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền vay 70.000.000đồng, tiền lãi phải trả hàng tháng là 4.800.000đồng tương đương với mức lãi suất 7%/tháng. Bị đơn xác định đã đóng tiền lãi cho nguyên đơn được 18 lần với tổng số tiền đã đóng là 86.400.000đồng nhưng nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc đóng lãi. Mặc dù, trước đây các

bên thỏa thuận mức lãi suất vượt quá định nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm là phù hợp với quy định. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền vay 70.000.000đồng và trả tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 30/7/2017 đến ngày xét xử là có căn cứ chấp nhận. Cụ thể thời gian phải chịu lãi từ ngày 30/7/2017 đến ngày 19/4/2022 là 04 năm 08 tháng và số tiền lãi mà bị đơn phải chịu là: nợ gốc 70.000.000đồng x lãi suất 1.6667%/tháng (20%/năm) x 04 năm 08 tháng = 66.112.433đồng.

[3] Xét yêu cầu trả nợ hụi: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn cũng như đơn phản tố ngày 25/12/2019 thì bị đơn có tham gia dây hụi mùa 2.000.000đồng do nguyên đơn làm chủ, dây hụi có tổng cộng 17 phần, bị đơn tham gia 02 phần, bị đơn thừa nhận đã hốt hụi và còn nợ lại 04 lần chưa đóng cho nguyên đơn là 16.000.000đồng. Đối với khoản nợ hụi mùa 2.000.000đồng do bị đơn làm chủ, có 17 phần, nguyên đơn tham gia 02 phần nhưng đã hốt 01 phần, còn lại 01 phần hụi sống đã đóng được 18.000.000đồng, bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền này. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả 02 khoản nợ hụi này là 34.000.000đồng là có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn có đơn yêu cầu phản tố ngày 25/12/2019 để cấn trừ các khoản nợ vay và nợ hụi với nguyên đơn. Tuy nhiên, do bị đơn không đóng tiền tạm ứng phí phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự: Bị đơn phải chịu, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 468, Điều 469 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Lê Thị N có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Kim C số tiền 136.112.433đồng (trong đó nợ vay 70.000.000đồng, nợ lãi 66.112.433đồng) và trả số tiền hụi còn nợ 34.000.000đồng. Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì bị đơn còn phải chịu tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Thời gian và cách trả do Cơ quan thi hành án giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: 8.505.622đồng, bà N phải chịu. Bà C được nhận lại 2.980.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 015361 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Thới Lai;
- THADS H. Thới Lai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Giúp Đở